

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

*cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2012
và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 đã được soát xét*

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 5
Báo cáo kết quả công tác soát xét	6 – 7
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét	8 – 42
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	8 – 11
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	12
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	13 – 14
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	15 – 42

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam, trước đây là Công ty Cổ phần Alphanam Công nghiệp, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0503000009 ngày 30 tháng 11 năm 2001. Công ty Cổ phần Alphanam Công nghiệp đổi tên thành Công ty Cổ phần Alphanam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 03 ngày 24 tháng 11 năm 2006. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 ngày 16 tháng 6 năm 2009 chuyển thành số 0900191660. Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 11.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 ngày 26 tháng 6 năm 2012 là **1.924.844.130.000** đồng.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 bao gồm:

- Buôn bán các tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Đại lý mua bán các loại hàng hóa;
- Buôn bán tư liệu sản xuất (chủ yếu là hàng vật liệu xây dựng, thiết bị điện và vật liệu điện);
- Thi công xây lắp các công trình điện có cấp điện áp đến 35KV;
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí, cơ điện (sản xuất lắp ráp tủ bảng điện trung và hạ thế, tủ điều khiển, hòm công tơ, tủ chiếu sáng, chi tiết cơ khí, phụ tùng linh kiện ngành điện và các sản phẩm cơ khí tiêu dùng khác);
- Sản xuất, lắp đặt thang máy;
- Buôn bán máy móc, thiết bị;
- Thi công xây lắp các công trình điện có cấp điện áp từ 110KV trở lên;
- Cho thuê: xe ô tô, phương tiện vận chuyển;
- Sản xuất bao bì từ plastic;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Buôn bán gạo;
- Kinh doanh vật tư thiết bị phục vụ sản xuất và kinh doanh cho ngành giao thông vận tải, công nghiệp, điện, xây dựng và du lịch. Đại lý mua bán ký gửi hàng hoá. Mua bán ô tô, xe máy và các loại phương tiện chuyên dùng khác. Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, vật liệu điện tử, dệt may, cơ khí. Dịch vụ sửa chữa, bảo hành xe ô tô, xe máy. In ấn bao bì. Sản xuất kinh doanh thiết bị điện công nghiệp, vật liệu xây dựng (trừ gạch, cát, sạn, xi măng). Sản xuất, kinh doanh, lắp đặt thang máy. Kinh doanh vật tư thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh và lắp đặt thang máy. Sản xuất, kinh doanh sơn, bột bả. Sản xuất và kinh doanh thiết bị điện và vật liệu viễn thông. Kinh doanh vật tư nông nghiệp, lâm sản (gỗ có nguồn gốc hợp pháp). Buôn bán vật tư, phân bón, quặng kim loại, phôi thép, sắt thép, hạt nhựa, than, giấy, hoá chất. Chế biến lương thực, phân bón, quặng kim loại, hạt nhựa, than, giấy, hoá chất.

Ngoài ra, Công ty không có hoạt động nào khác làm thay đổi chức năng kinh doanh đã được cấp phép.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

NHỮNG ẢNH HƯỞNG QUAN TRỌNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT TRONG KỲ CỦA CÔNG TY

Trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ từ 645.844.130.000 đồng lên 1.924.844.130.000 đồng do thực hiện sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam vào Công ty Cổ phần Alphanam và đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam, việc sáp nhập được thực hiện trên cơ sở:

- Nghị quyết số 01/2011/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 24 tháng 4 năm 2011 của Đại Hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Alphanam về việc thông qua phương án hoán đổi cổ phiếu để thực hiện sáp nhập Công ty Cổ phần Alphanam Đầu tư vào Công ty Cổ phần Alphanam.
- Nghị quyết số 01/2011/NQ-ĐHĐCĐBT ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Đại Hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam về việc thông qua phương án hoán đổi cổ phiếu để thực hiện sáp nhập Công ty Cổ phần Alphanam Đầu tư vào Công ty Cổ phần Alphanam.
- Hợp đồng sáp nhập số 01-2011/ALP-ĐT ngày 27 tháng 4 năm 2011 giữa Công ty Cổ phần Alphanam và Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam về việc sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam vào Công ty Cổ phần Alphanam.
- Giấy chứng nhận số 17/GCN – UBCK ngày 06 tháng 06 năm 2012 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp nhận cho Công ty Cổ phần Alphanam chào bán cổ phần ra công chúng.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0900191660 thay đổi lần thứ 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp ngày 26 tháng 6 năm 2012 về việc tăng vốn điều lệ của Công ty từ 645.844.130.000 đồng lên 1.924.844.130.000 đồng.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 08 đến trang 42).

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Tuấn Hải	Chủ tịch	
Ông Tạ Quốc Khánh	Ủy viên	
Ông Bùi Hoàng Tuấn	Ủy viên	
Ông Nguyễn Tuấn Phương	Ủy viên	
Bà Bùi Kim Yến	Ủy viên	
Ông Nguyễn Minh Nhật	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 8 năm 2012
Ông Nguyễn Trần Đại	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 8 năm 2012
Ông Phạm Văn Dũng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Hoàng Tuấn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 8 năm 2012
Ông Nguyễn Tuấn Hải	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 04 tháng 8 năm 2012
Ông Bùi Hoàng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 04 tháng 8 năm 2012
Bà Đỗ Thị Minh Anh	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Bùi Kim Yến	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2012
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2012

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Hưng Yên, ngày 28 tháng 8 năm 2012

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Bùi Hoàng Tuấn

Số: *404* /2012/BCSX-AASCN**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT**

*về Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2012
và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam*

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam được lập ngày 25 tháng 8 năm 2012 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 được trình bày từ trang 08 đến trang 42 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trong kỳ, Công ty mua lại một số Công ty con (xem thuyết minh số I.05). Tuy nhiên, Công ty chưa thực hiện xác định lại giá trị tài sản thuần của các Công ty này tại ngày mua theo giá trị hợp lý. Do vậy, lợi thế thương mại phát sinh khi mua các công ty này đang được xác định trên cơ sở giá phí hợp nhất kinh doanh trừ giá trị tài sản thuần theo sổ kế toán mà không phải là trừ giá trị tài sản thuần theo giá trị hợp lý theo quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 11 – “Hợp nhất kinh doanh”.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề được mô tả ở đoạn trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo kết quả công tác soát xét (tiếp theo)

Ngoài ra, chúng tôi muốn lưu ý người đọc báo cáo này về việc: Trong kỳ, Công ty thực hiện mua các Công ty con và phát sinh lợi thể thương mại trong quá trình hợp nhất kinh doanh (xem thuyết minh số V.13). Khoản lợi thể thương mại này đang được trình bày trên khoản mục lợi thể thương mại trên Bảng cân đối kế toán. Do thời điểm mua các Công ty con này từ ngày 26 tháng 6 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 nên Công ty chưa thực hiện phân bổ lợi thể thương mại vào kết quả kinh doanh trong kỳ. Khoản lợi thể thương mại này sẽ được phân bổ dần vào chi phí trên Báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 01 tháng 7 năm 2012 theo qui định hiện hành của chuẩn mực kế toán Việt Nam với thời gian phân bổ không quá 10 năm.

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2012

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Giám đốc



Bùi Ngọc Vương
Chứng chỉ KTV số: 0941/KTV

Kiểm toán viên



Bùi Thị Ngọc Lâm
Chứng chỉ KTV số: 0300/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	01/01/2012
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.119.660.447.987	774.996.288.093
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	520.056.437.820	49.967.120.314
1.	Tiền	111		267.356.437.820	28.967.120.314
2.	Các khoản tương đương tiền	112		252.700.000.000	21.000.000.000
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	212.029.557.478	5.289.850.000
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		212.031.815.478	6.472.694.286
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(2.258.000)	(1.182.844.286)
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		688.894.645.511	499.327.897.804
1.	Phải thu khách hàng	131		513.465.817.629	287.860.261.423
2.	Trả trước cho người bán	132		61.554.551.131	120.480.602.165
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.03	193.809.912.313	105.952.339.969
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(79.935.635.562)	(14.965.305.753)
IV.	Hàng tồn kho	140		673.192.514.580	215.294.551.270
1.	Hàng tồn kho	141	V.04	682.883.522.194	223.192.310.908
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(9.691.007.614)	(7.897.759.638)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		25.487.292.598	5.116.868.705
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.075.890.808	745.538.095
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		12.354.191.993	298.033.024
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	3.621.910.504	301.247.458
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158		8.435.299.293	3.772.050.128

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	01/01/2012
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.046.417.510.195	772.401.386.480
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		239.929.658.298	45.494.458.089
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	168.831.571.841	35.494.758.005
	- Nguyên giá	222		264.968.945.028	66.367.419.937
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(96.137.373.187)	(30.872.661.933)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.07	4.067.659.571	3.540.493.734
	- Nguyên giá	225		4.815.456.140	4.280.734.238
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(747.796.569)	(740.240.504)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.08	28.408.015.547	5.373.208.601
	- Nguyên giá	228		30.632.585.701	7.244.923.697
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(2.224.570.154)	(1.871.715.096)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.09	38.622.411.339	1.085.997.749
III.	Bất động sản đầu tư	240	V.10	12.172.900.605	2.607.500.000
1.	Nguyên giá	241		13.684.889.298	2.607.500.000
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		(1.511.988.693)	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.11	139.999.294.752	674.932.501.031
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		137.499.050.216	627.199.609.424
3.	Đầu tư dài hạn khác	258		10.000.244.536	55.632.891.607
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		(7.500.000.000)	(7.900.000.000)
V.	Tài sản dài hạn khác	260		6.787.400.622	2.303.456.287
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	6.186.147.262	1.783.238.327
2.	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268		601.253.360	520.217.960
VI.	Lợi thế thương mại	269	V.13	1.647.528.255.918	47.063.471.073
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.166.077.958.183	1.547.397.674.573

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	01/01/2012
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		1.923.737.719.797	592.219.660.683
I.	Nợ ngắn hạn	310		1.610.375.287.386	535.745.191.508
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	1.037.067.519.385	309.356.807.571
2.	Phải trả người bán	312		235.790.228.985	83.353.443.355
3.	Người mua trả tiền trước	313		151.328.092.113	101.773.774.981
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	35.220.274.586	21.975.842.217
5.	Phải trả người lao động	315		9.913.431.439	4.716.100.986
6.	Chi phí phải trả	316	V.16	15.844.555.085	2.905.487.905
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.17	111.855.228.022	5.687.614.824
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		10.557.977.018	2.437.752.776
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.797.980.754	3.538.366.893
II.	Nợ dài hạn	330		313.362.432.411	56.474.469.175
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		8.697.921.684	5.332.781.632
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.18	60.392.334.390	7.086.359.874
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.19	18.410.242.027	20.713.989.154
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.059.209.936	228.541.248
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		224.802.724.374	23.112.797.267
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.073.434.109.838	842.252.865.890
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.20	2.073.434.109.838	842.252.865.890
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.924.844.130.000	645.844.130.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		74.155.820.000	74.155.820.000
4.	Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		61.937.749	3.567.681.573
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		4.649.596.131	4.649.596.131
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		435.087.978	435.087.978
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		5.914.670.142	5.914.670.142
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		63.372.867.837	107.685.880.067
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C	LỢI ÍCH CỎ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		168.906.128.548	112.925.148.000
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.166.077.958.183	1.547.397.674.573

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/6/2012	01/01/2012
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		1.308.915.648	1.308.915.648
5.	Ngoại tệ các loại			
	USD		10.282,78	25.615.061,96
	EUR		208,98	8.359,39
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Hưng Yên, ngày 25 tháng 8 năm 2012

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Bùi Kim Yên



Bùi Hoàng Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ 01 tháng 01 năm 2012 đến 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	355.965.442.489	849.219.818.173
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	5.510.587.455	18.040.469.825
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.03	350.454.855.034	831.179.348.348
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.04	326.392.933.482	759.491.278.376
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		24.061.921.552	71.688.069.972
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	1.172.498.841	21.937.512.916
7.	Chi phí tài chính	22	VI.06	24.510.299.443	92.711.623.527
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		24.686.596.204	32.526.962.203
8.	Chi phí bán hàng	24		9.504.487.667	39.209.219.639
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		16.836.156.821	35.096.720.615
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(25.616.523.538)	(73.391.980.893)
11.	Thu nhập khác	31		4.347.603.236	78.755.995.532
12.	Chi phí khác	32		4.166.370.138	3.213.055.056
13.	Lợi nhuận khác	40		181.233.098	75.542.940.476
14.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		(29.031.456.247)	10.717.697
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(54.466.746.687)	2.161.677.280
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.07	988.097.383	2.351.287.418
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.08	(2.303.747.127)	-
18.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(53.151.096.943)	(189.610.138)
18.1	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(7.498.019.617)	(2.025.407.464)
18.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		(45.653.077.326)	1.835.797.327
19.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.20	(670)	41

Kế toán trưởng



Bùi Kim Yến

Hưng Yên, ngày 25 tháng 8 năm 2012

Tổng Giám đốc



Bùi Hoàng Tuấn

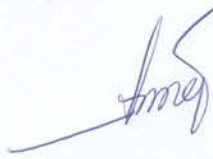
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ 01 tháng 01 năm 2012 đến 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	355.965.442.489	849.219.818.173
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	5.510.587.455	18.040.469.825
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.03	350.454.855.034	831.179.348.348
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.04	326.392.933.482	759.491.278.376
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		24.061.921.552	71.688.069.972
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	1.172.498.841	21.937.512.916
7.	Chi phí tài chính	22	VI.06	24.510.299.443	92.711.623.527
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		24.686.596.204	32.526.962.203
8.	Chi phí bán hàng	24		9.504.487.667	39.209.219.639
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		16.836.156.821	35.096.720.615
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(25.616.523.538)	(73.391.980.893)
11.	Thu nhập khác	31		4.347.603.236	78.755.995.532
12.	Chi phí khác	32		4.166.370.138	3.213.055.056
13.	Lợi nhuận khác	40		181.233.098	75.542.940.476
14.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		(29.031.456.247)	10.717.697
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(54.466.746.687)	2.161.677.280
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.07	988.097.383	2.351.287.418
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.08	(2.303.747.127)	-
18.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(53.151.096.943)	(189.610.138)
18.1	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(7.498.019.617)	(2.025.407.464)
18.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		(45.653.077.326)	1.835.797.327
19.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.20	(670)	41

Kế toán trưởng



Bùi Kim Yến

Hưng Yên, ngày 25 tháng 8 năm 2012

Tổng Giám đốc



Bùi Hoàng Tuấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ 01 tháng 01 năm 2012 đến 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		(54.466.746.687)	2.161.677.280
2.	Điều chỉnh cho các khoản				
-	Khấu hao tài sản cố định	02		3.291.304.347	11.311.899.336
-	Các khoản dự phòng	03		(2.656.758.610)	59.829.404.304
-	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	89.010.800
-	(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(846.362.878)	1.482.789.820
-	Chi phí lãi vay	06		24.686.596.204	32.526.962.203
3.	Lợi nhuận/(lỗ) từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		(29.991.967.624)	107.401.743.743
-	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		159.159.350.536	(461.678.383.075)
-	(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(49.818.493.393)	(277.368.022.060)
-	Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(16.193.749.594)	131.594.662.827
-	(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(35.982.616.497)	(4.847.386.992)
-	Tiền lãi vay đã trả	13		(25.184.882.790)	(33.474.671.270)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(3.701.844.028)	(2.311.450.670)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		12.537.301.306	41.827.695.799
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(1.403.906.985)	(42.502.110.165)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		9.419.190.931	(541.357.921.864)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
-	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(4.200.735.782)	(21.722.039.881)
-	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		2.500.400.105	-
-	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(29.850.000.000)	(63.617.092.776)
-	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		28.584.700.000	417.141.215.935
-	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(66.686.535.288)	(49.658.795.597)
-	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		34.067.927.282	-
-	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		347.916.391	7.795.964.386
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(35.236.327.292)	289.939.252.067

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		804.867.997.219	951.639.517.484
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(305.656.640.343)	(672.534.885.855)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(968.758.340)	(189.013.180)
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông thiểu số	36		(2.336.000.000)	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		495.906.598.536	278.915.618.449
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		470.089.462.175	27.496.948.652
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		49.967.120.314	77.060.328.531
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(144.669)	3.158.226.000
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		520.056.437.820	107.715.503.183

Kế toán trưởng

Hưng Yên, ngày 25 tháng 8 năm 2012

Tổng Giám đốc

Bùi Kim Yên

Bùi Hoàng Tuấn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ 01 tháng 01 năm 2012 đến 30 tháng 6 năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 bao gồm:

- Buôn bán các tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Đại lý mua bán các loại hàng hóa;
- Buôn bán tư liệu sản xuất (chủ yếu là hàng vật liệu xây dựng, thiết bị điện và vật liệu điện);
- Thi công xây lắp các công trình điện có cấp điện áp đến 35KV;
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí, cơ điện (sản xuất lắp ráp tủ bảng điện trung và hạ thế, tủ điều khiển, hòm công tơ, tủ chiếu sáng, chi tiết cơ khí, phụ tùng linh kiện ngành điện và các sản phẩm cơ khí tiêu dùng khác);
- Sản xuất, lắp đặt thang máy;
- Buôn bán máy móc, thiết bị;
- Thi công xây lắp các công trình điện có cấp điện áp từ 110KV trở lên;
- Cho thuê: xe ô tô, phương tiện vận chuyển;
- Sản xuất bao bì từ plastic;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Buôn bán gạo;
- Kinh doanh vật tư thiết bị phục vụ sản xuất và kinh doanh cho ngành giao thông vận tải, công nghiệp, điện, xây dựng và du lịch. Đại lý mua bán ký gửi hàng hoá. Mua bán ô tô, xe máy và các loại phương tiện chuyên dùng khác. Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, vật liệu điện tải, dệt may, cơ khí. Dịch vụ sửa chữa, bảo hành xe ô tô, xe máy. In ấn bao bì. Sản xuất kinh doanh thiết bị điện công nghiệp, vật liệu xây dựng (trừ gạch, cát, sạn, xi măng). Sản xuất, kinh doanh, lắp đặt thang máy. Kinh doanh vật tư thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh và lắp đặt thang máy. Sản xuất, kinh doanh sơn, bột bả. Sản xuất và kinh doanh thiết bị điện và vật liệu viễn thông. Kinh doanh vật tư nông nghiệp, lâm sản (gỗ có nguồn gốc hợp pháp). Buôn bán vật tư, phân bón, quặng kim loại, phôi thép, sắt thép, hạt nhựa, than, giấy, hoá chất. Chế biến lương thực, phân bón, quặng kim loại, hạt nhựa, than, giấy, hoá chất.

Ngoài ra, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề được cấp phép nhưng trong kỳ không phát sinh tại Công ty gồm:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, chi tiết: Xây dựng các dự án nhà ở, văn phòng, khách sạn, trung tâm thương mại, siêu thị, khu đô thị mới, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao; công trình dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng, khu vui chơi, giải trí;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Hoạt động tư vấn quản lý, chi tiết: Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật và tư vấn tài chính); quản lý dự án; tư vấn về quản lý kinh doanh, quản trị doanh nghiệp;
- Quảng cáo;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Vận tải hành khách và đường bộ khác;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu, chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, chi tiết: Dịch vụ khách sạn;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Tổ chức các hoạt động của khu du lịch, khu vui chơi giải trí;
- Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật, chi tiết: Lập dự án đầu tư (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Sản xuất thiết bị điện và vật liệu điện;
- Sản xuất tủ bảng điện;
- Cho thuê mặt bằng, nhà xưởng;
- Nhận ủy thác đầu tư;
- Sản xuất thiết bị và máy cơ khí, thủy lực;
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí chuyên dùng;
- Xây lắp các công trình điện đến 35KV;
- Sản xuất, lắp đặt thang máy;
- Sản xuất các sản phẩm nhựa composite;
- Sản xuất và kinh doanh các loại sơn và vật liệu xây dựng.

04. Những ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ của Công ty

Trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ từ 645.844.130.000 đồng lên 1.924.844.130.000 đồng do thực hiện sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam vào Công ty Cổ phần Alphanam và đổi tên Công ty thành Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam, việc sáp nhập được thực hiện trên cơ sở:

- Nghị quyết số 01/2011/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 24 tháng 4 năm 2011 của Đại Hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Alphanam về việc thông qua phương án hoán đổi cổ phiếu để thực hiện sáp nhập Công ty Cổ phần Alphanam Đầu tư vào Công ty Cổ phần Alphanam.
- Nghị quyết số 01/2011/NQ-ĐHĐCĐBT ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Đại Hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam về việc thông qua phương án hoán đổi cổ phiếu để thực hiện sáp nhập Công ty Cổ phần Alphanam Đầu tư vào Công ty Cổ phần Alphanam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Hợp đồng sáp nhập số 01-2011/ALP-ĐT ngày 27 tháng 4 năm 2011 giữa Công ty Cổ phần Alphanam và Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam về việc sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam vào Công ty Cổ phần Alphanam.
- Giấy chứng nhận số 17/GCN – UBCK ngày 06 tháng 06 năm 2012 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp nhận cho Công ty Cổ phần Alphanam chào bán cổ phần ra công chúng.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0900191660 thay đổi lần thứ 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp ngày 26 tháng 6 năm 2012 về việc tăng vốn điều lệ của Công ty từ 645.844.130.000 đồng lên 1.924.844.130.000 đồng.

05. Thông tin về Công ty con được hợp nhất

Tên Công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ tại 30/6/2012	Quyền kiểm soát của Công ty mẹ	
			Tại ngày 30/6/2012	Tại ngày 01/01/2012
Công ty Liên doanh Fuji – Alpha	Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	88,49%	88,49%	88,49%
Công ty Cổ phần Alpha Nam Sài Gòn (đến 30/6/2012 là Công ty con của Công ty Liên doanh Fuji – Alpha)	Lô III – 14, nhóm Công nghiệp III, khu Công nghiệp Tân Bình, đường số 1, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh	88,47%	99,97%	99,97%
Công ty Cổ phần Alphanam Cơ điện	79 Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á	Số 2 Đại Cồ Việt, Hai Bà Trưng, Hà Nội	49,5%	97,20%	97,20%
Công ty Cổ phần Địa Ốc Alphanam (*)	Số 33 Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội	99,67%	99,67%	26,15%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Vinaconex – Alphanam (đến 30/6/2012 là Công ty con của Công ty Cổ phần Địa Ốc Alphanam)	Số 33 Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội	63,83%	64,04%	67,27%
Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn (*)	Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	99,63%	99,96%	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng hạ tầng Alphanam (*)	Số 33 Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội	53,35%	53,35%	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyên (*)	Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	98,47%	99,50%	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên Công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ tại 30/6/2012	Quyền kiểm soát của Công ty mẹ	
			Tại ngày 30/6/2012	Tại ngày 01/01/2012
Công ty Cổ phần Xây dựng Hà Tây (*)	Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	61,63%	85%	-
Tổng Công ty Cổ phần đầu tư và Xuất nhập khẩu Foodinco (*)	Số 2, khu công nghiệp Hòa Khánh, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng	77,02%	77,02%	48,80%
Công ty TNHH MTV Thực phẩm Foodinco (*)	Số 51 Yết Kiêu, phường Thọ Quang, Quận Sơn trà, Thành phố Đà Nẵng.	77,02%	100%	-
Công ty Cổ phần Foodinco miền Trung (*)	Số 2, khu công nghiệp Hòa Khánh, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng	76,66%	99,53%	-
Công ty Cổ phần Foodinco Tây Nguyên (*)	Số 57 đường Ngô Quyền, phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	57,77%	75%	-
Công ty TNHH MTV Foodinco Nha Trang (*)	172 đường 2/4 phường Vĩnh Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	57,77%	100%	-

(*) Các Công ty con được mua lại từ ngày 26 tháng 6 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012.

06. Thông tin về Công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ

Tên Công ty liên kết	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty tại ngày 30/6/2012
Công ty TNHH Sơn Kansai – Alphanam	Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	35,00%

07. Thông tin về Công ty liên kết không được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ

Tên Công ty liên kết	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty tại ngày 30/6/2012
Công ty Cổ phần Sao Đỏ Đà Nẵng (*)	Số 10 Hải Phòng, Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	30,00%
Công ty TNHH Foodinco Bolikhamxay, Lào (**)		

(*) Không thực hiện hợp nhất theo phương pháp vốn chủ do thời điểm Công ty Cổ phần Sao Đỏ Đà Nẵng trở thành công ty liên kết là ngày 30 tháng 6 năm 2012.

(**) Không thực hiện hợp nhất theo phương pháp vốn chủ do không có báo cáo tài chính.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**01. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

03. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

02. Cơ sở hợp nhất

Các công ty con

Các công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Công ty trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ và các công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

03. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ tài chính.

Tại thời điểm cuối kỳ, số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối kỳ được ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc hàng tồn kho.

05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, TSCĐ thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, TSCĐ thuê tài chính

Khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc	6 – 25 năm
- Máy móc thiết bị	5 – 7 năm
- Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 – 7 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	4 – 5 năm
- Tài sản cố định khác	5 – 6 năm
- Phần mềm máy tính	5 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn khấu hao theo thời hạn sử dụng đất.

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

07. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 01 năm hoặc trong 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 01 năm hoặc hơn 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm cuối kỳ.

Đối với chứng khoán chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và không thể xác định được giá trị thị trường tại thời điểm cuối kỳ thì không thực hiện trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính.

08. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

09. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Các khoản chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng phân bổ cho nhiều năm tài chính;
- Chi phí sửa chữa;
- Chi phí khác.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

10. Lợi thế thương mại và bất lợi thương mại

Lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh lớn hơn phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng (nếu có) của bên bị mua. Lợi thế thương mại được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng, thời gian phân bổ không quá 10 năm.

Bất lợi thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh nhỏ hơn phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng (nếu có) của bên bị mua. Bất lợi thương mại được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả kinh doanh.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng:

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán;
- Chi phí tài chính khác: lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Hiện tại, Công ty mẹ và Công ty con đang được hưởng các ưu đãi về thuế TNDN như sau:

Đối với Công ty Liên doanh Fuji – Alpha:

Công ty được áp dụng mức thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế trong 12 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh (năm 2005). Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2007 là năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế) và giảm 50% trong 07 (bảy) năm tiếp theo.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

01. Tiền

	30/6/2012	01/01/2012
- Tiền mặt	6.103.946.236	3.257.485.400
- Tiền gửi ngân hàng	261.247.127.585	25.618.777.262
- Tiền đang chuyển	5.363.999	90.857.652
- Các khoản tương đương tiền (*)	252.700.000.000	21.000.000.000
Cộng	520.056.437.820	49.967.120.314

(*) Trong đó, tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong là 250.000.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/6/2012		01/01/2012	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		135.236.407.344		1.757.094.286
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	-	-	1.500	57.094.286
+ Ngân hàng TMCP Á Châu	98	4.365.000	-	-
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	5	42.344	-	-
+ Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	-	-	40.000	1.700.000.000
+ Công ty Cổ phần Bất động sản Hoa Anh Đào (a)	3.733.200	135.232.000.000	-	-
- Đầu tư ngắn hạn khác		76.795.408.134		4.715.600.000
+ Phòng thương mại và CN Việt Nam (VCCI) (b)		47.000.000.000		-
+ Công ty CP Địa ốc Alphanam		-		550.000.000
+ Cho Công ty TNHH MTV Hanel vay (c)		10.495.408.134		
+ Tiền gửi có kỳ hạn		19.300.000.000		4.165.600.000
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(2.258.000)		(1.182.844.286)
+ Ngân hàng TMCP Á Châu		(2.258.000)		-
+ Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn		-		(1.152.000.000)
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát		-		(30.844.286)
Cộng		212.029.557.478		5.289.850.000

(a) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty nắm giữ 3.733.200 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Bất động sản Hoa Anh Đào, tương ứng với 55,03% vốn thực góp tại Công ty Cổ phần Bất động sản Hoa Anh Đào. Đây là khoản đầu tư trong ngắn hạn với mục đích thương mại, do đó, tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bất động sản Hoa Anh Đào không thực hiện hợp nhất kinh doanh.

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bất động sản Hoa Anh Đào không thu thập được báo giá của ít nhất 3 Công ty chứng khoán theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài Chính nên không thực hiện trích lập dự phòng.

(b) Là khoản cho vay theo hợp đồng ngày 02 tháng 10 năm 2009 với mục đích để VCCI nộp tiền sử dụng đất tại số 33 Bà Triệu, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội; lãi suất cho vay là 0% với điều kiện VCCI cho Công ty thuê lại ngôi nhà trên diện tích đất 622,18 m² tại địa điểm trên.

(c) Tăng do sáp nhập khoản đầu tư từ Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2012	01/01/2012
- Phải thu về cổ phần hóa	-	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
- Phải thu người lao động	-	-
- Phải thu khác	193.809.912.313	105.952.339.969
+ Công ty CP Động Lực	10.460.000.000	10.460.000.000
+ Công ty CP Đầu tư Alphanam	-	6.880.592.929
+ Công ty CP Địa ốc Alphanam	-	2.448.011.837
+ Công ty Cổ phần Phú Thái Holdings	68.459.640.694	83.459.640.694
+ Thuế GTGT tài sản cố định thuê tài chính	159.230.995	235.018.628
+ Ban quản lý dự án cụm công nghiệp cơ sở hạ tầng	5.113.360.000	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hạ tầng KD đô thị	10.738.464.939	-
+ Phải thu các đội thi công	29.716.622.304	-
+ Lãi dự thu	-	45.130.700
+ Các đối tượng khác	69.162.593.381	2.423.945.181
Cộng	193.809.912.313	105.952.339.969

04. Hàng tồn kho

	30/6/2012	01/01/2012
- Hàng mua đang đi đường	169.309.709	169.309.709
- Nguyên liệu, vật liệu	122.082.500.014	73.827.358.669
- Công cụ, dụng cụ	1.572.809.905	25.850.000
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	467.960.778.010	110.769.566.511
- Thành phẩm	34.632.845.776	22.549.756.645
- Hàng hoá	20.818.517.706	15.810.041.137
- Hàng gửi đi bán	40.428.237	40.428.237
- Hàng hoá bất động sản	35.606.332.837	-
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	682.883.522.194	223.192.310.908

05. Thuế và các khoản phải thu nhà nước

	30/6/2012	01/01/2012
- Thuế GTGT đầu ra nộp thừa	543.999.251	-
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu nộp thừa	-	195.055.018
- Thuế xuất, nhập khẩu nộp thừa	-	105.968.519
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	3.077.911.253	223.921
Cộng	3.621.910.504	301.247.458

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, Vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện Vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ, quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm	14.690.008.594	16.567.446.563	27.610.157.906	6.702.629.923	797.176.951	66.367.419.937
- Mua trong kỳ	-	12.545.425	1.000.000	25.257.000	-	38.802.425
- Tăng do sáp nhập	-	47.636.363	-	-	-	47.636.363
- Tăng do mua lại tài sản thuê tài chính	-	-	989.452.644	-	-	989.452.644
- Tăng do hợp nhất	71.137.669.999	111.969.888.497	16.365.650.323	4.133.746.079	72.272.727	203.679.227.625
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.788.230.542)	(4.152.671.706)	(30.269.000)	(182.422.718)	(6.153.593.966)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	85.827.678.593	126.809.286.306	40.813.589.167	10.831.364.002	687.026.960	264.968.945.028
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	6.758.869.458	9.838.487.344	10.639.421.111	3.133.832.895	502.051.124	30.872.661.933
- Khấu hao trong kỳ	69.840.258	606.216.045	1.490.911.615	547.585.945	34.127.274	2.748.681.137
- Tăng do sáp nhập	-	30.035.365	-	-	-	30.035.365
- Tăng do mua lại tài sản thuê tài chính	-	-	387.535.617	-	-	387.535.617
- Tăng do hợp nhất	15.643.717.023	34.948.642.492	11.026.086.582	3.642.241.775	37.116.477	65.297.804.349
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.031.949.409)	(2.062.258.321)	(21.185.662)	(83.951.821)	(3.199.345.213)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	22.472.426.739	44.391.431.837	21.481.696.604	7.302.474.953	489.343.054	96.137.373.187
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	7.931.139.136	6.728.959.219	16.970.736.795	3.568.797.028	295.125.827	35.494.758.005
2. Tại ngày cuối kỳ	63.355.251.854	82.417.854.469	19.331.892.563	3.528.889.049	197.683.906	168.831.571.841

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính				
<i>Số dư đầu năm</i>	-	4.280.734.238	-	4.280.734.238
- Thuê tài chính trong kỳ	-	-	-	-
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	(989.452.644)	-	(989.452.644)
- Tăng do hợp nhất	-	1.524.174.546	-	1.524.174.546
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	-	4.815.456.140	-	4.815.456.140
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
<i>Số dư đầu năm</i>	-	740.240.504	-	740.240.504
- Khấu hao trong kỳ	-	395.091.682	-	395.091.682
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	(387.535.617)	-	(387.535.617)
- Tăng khác	-	-	-	-
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	-	747.796.569	-	747.796.569
III. Giá trị còn lại của TSCĐ thuê tài chính				
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	-	3.540.493.734	-	3.540.493.734
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	-	4.067.659.571	-	4.067.659.571

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
I. Nguyên giá				
<i>Số dư đầu năm</i>	6.533.672.216	-	711.251.481	7.244.923.697
- Mua trong kỳ	-	-	-	-
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp	-	-	-	-
- Tăng do hợp nhất	22.990.273.500	-	397.388.504	23.387.662.004
- Tăng khác	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	29.523.945.716	-	1.108.639.985	30.632.585.701
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
<i>Số dư đầu năm</i>	1.449.507.266	-	422.207.830	1.871.715.096
- Khấu hao trong kỳ	108.894.540	-	38.636.988	147.531.528
- Tăng do hợp nhất	-	-	205.323.530	205.323.530
- Tăng khác	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	1.558.401.806	-	666.168.348	2.224.570.154
III. Giá trị còn lại				
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	5.084.164.950	-	289.043.651	5.373.208.601
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	27.965.543.910	-	442.471.637	28.408.015.547

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/6/2012	01/01/2012
Bao gồm các công trình:		
- Dự án Cụm công nghiệp Bình Minh - Cao Viên - Bích Hòa	17.832.790.941	-
- Công trình số 02 Đại Cồ Việt	3.599.650.261	-
- Công trình bổ sung phía Nam	156.408.310	-
- Dự án xây dựng cao tốc tại 58 Bạch Đằng	5.325.018.113	-
- Đầu tư mua sắm máy móc	161.011.600	161.011.600
- Chi phí mua văn phòng tại Hồ Chí Minh	907.530.331	907.530.331
- Dự án nhà ở, chung cư Cổ Nhuế	3.105.522.000	-
- Dự án Khu đô thị Trung Hưng Sơn Tây	6.134.184.659	-
- Khác	1.400.295.124	17.455.818
Cộng	38.622.411.339	1.085.997.749

10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
I. Nguyên giá bất động sản đầu tư	2.607.500.000	11.077.389.298	-	13.684.889.298
- Quyền sử dụng đất	2.607.500.000	6.531.047.346	-	9.138.547.346
- Nhà	-	4.546.341.952	-	4.546.341.952
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
II. Giá trị hao mòn lũy kế	-	1.511.988.693	-	1.511.988.693
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	1.511.988.693	-	1.511.988.693
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
III. Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư	2.607.500.000	9.565.400.605	-	12.172.900.605
- Quyền sử dụng đất	2.607.500.000	6.531.047.346	-	9.138.547.346
- Nhà	-	3.034.353.259	-	3.034.353.259
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2012		01/01/2012	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
a. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		137.499.050.216		627.199.609.424
- Công ty cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn	-	-	1.909.370	39.615.826.607
- Công ty TNHH Sơn Kansai - Alphanam	-	106.436.636.248	-	110.172.692.629
- Tổng Công ty Cổ phần đầu tư và xuất nhập khẩu Foodinco	-	-	10.925.198	118.184.898.517
- Công ty Cổ phần Địa Ốc Alphanam	-	-	16.640.937	359.226.191.671
- Công ty Cổ phần Sao Đỏ	1.200.000	12.000.000.000	-	-
- Công ty TNHH Foodinco Bolikhamxay, Lào	-	19.062.413.968	-	-
b. Đầu tư dài hạn khác		10.000.244.536		55.632.891.607
- Đầu tư cổ phiếu		10.000.244.536		55.632.891.607
+ Công ty Cổ phần viễn thông Thăng Long	1.000.000	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Sao Đỏ	-	-	863.800	8.638.000.000
+ Công ty Cổ phần Đầu tư XD Hà Tây	-	-	1.170.000	35.315.591.607
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Alphanam (Tên cũ là Công ty Cổ phần 118)	-	-	167.930	1.679.300.000
+ Công ty Cổ phần Xây dựng 565	26	244.536	-	-
c. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(7.500.000.000)		(7.900.000.000)
- Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long		(7.500.000.000)		(7.900.000.000)
Tổng cộng		139.999.294.752		674.932.501.031

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

12. Chi phí trả trước dài hạn

	30/6/2012	01/01/2012
- Giá trị công cụ dụng cụ đã xuất dùng	4.056.275.853	1.366.700.677
- Chi phí sửa chữa	1.999.831.428	406.252.295
- Chi phí bảo hiểm	-	3.454.545
- Chi phí khác	130.039.981	6.830.810
Cộng	6.186.147.262	1.783.238.327

13. Lợi thế thương mại

	Số đầu năm	Số phát sinh tăng	Số kết chuyển vào chi phí	Số cuối kỳ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng Vinaconex - Alphanam	700.144.710	-	700.144.710	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Đông Á	46.363.326.363	-	3.039.711.399	43.323.614.964
Công ty Cổ phần Alphanam Địa Ốc Alphanam (*)	-	998.847.626.085	-	998.847.626.085
Tổng Công ty Cổ phần đầu tư và Xuất nhập khẩu Foodinco (*)	-	45.500.413.606	-	45.500.413.606
Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn (*)	-	44.494.875.256	-	44.494.875.256
Công ty Cổ phần Xây dựng Hà Tây (**)	-	110.198.857.640	-	110.198.857.640
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hạ Tầng Alphanam (**)	-	99.822.108.776	-	99.822.108.776
Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyên (**)	-	305.340.759.591	-	305.340.759.591
Cộng	47.063.471.073	1.604.204.640.954	3.739.856.109	1.647.528.255.918

(*) Trong đó, lợi thế thương mại đã phân bổ trong giai đoạn là công ty liên kết (trước ngày 26 tháng 6 năm 2012, các công ty này trở thành công ty con từ ngày 26 tháng 6 năm 2012):

	Số tiền
Công ty Cổ phần Alphanam Địa Ốc Alphanam	28.002.579.911
Tổng Công ty Cổ phần đầu tư và Xuất nhập khẩu Foodinco	18.512.062.980
Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn	9.764.179.182
Cộng	56.278.822.072

(**) Không phân bổ lợi thế thương mại trong kỳ do thời điểm mua công ty con là ngày 30 tháng 6 năm 2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

14. Vay và nợ ngắn hạn

	30/6/2012	01/01/2012
Vay ngắn hạn	1.033.238.133.981	303.233.599.088
- Vay ngân hàng	1.017.966.562.186	279.177.299.088
+ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	67.630.648.946	31.620.586.796
+ Ngân hàng TMCP Quân đội	242.719.847.795	213.228.709.549
+ Vay ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	7.673.612.743
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương	153.557.262.319	-
+ Ngân hàng TNHH MTV HSBC	-	15.654.390.000
+ Công ty CP chứng khoán Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam	9.600.000.000	11.000.000.000
+ Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam	44.458.803.126	-
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong	500.000.000.000	-
- Vay đối tượng khác	15.271.571.795	24.056.300.000
+ Công ty CP Alphanam - Cenco 4	40.000.000	40.000.000
+ Công ty CP Aphanam miền trung	-	12.426.400.000
+ Bà Đỗ Thị Minh Anh	8.586.900.000	11.589.900.000
+ Ông Nguyễn Tuấn Hải	1.541.376.276	-
+ Các tổ chức, cá nhân khác	5.103.295.519	-
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	3.829.385.404	6.123.208.483
- Vay dài hạn đến hạn trả	3.490.000.066	4.893.748.483
- Nợ dài hạn đến hạn trả	339.385.338	1.229.460.000
Cộng	1.037.067.519.385	309.356.807.571

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/6/2012	01/01/2012
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	24.212.267.257	13.039.850.582
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	311.225.156	151.945.884
- Thuế xuất, nhập khẩu	190.657.273	93.443.867
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.854.129.637	8.621.042.803
- Thuế thu nhập cá nhân	1.518.532.848	69.559.081
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	13.083.750	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	120.378.665	-
Cộng	35.220.274.586	21.975.842.217

16. Chi phí phải trả

	30/6/2012	01/01/2012
- Chi phí quản lý công trình	8.490.321.135	-
- Chi phí phải trả tại Công trình Nomura	796.005.856	-
- Chi phí vận chuyển	5.843.222.291	126.000.000
- Chi phí lãi vay	-	750.305.830
- Chi phí thưởng cho các đại lý	-	498.286.586
- Chi phí sử dụng hạ tầng và tiền thuê đất năm 2012	241.376.189	-
- Chi phí khác	473.629.614	1.530.895.489
Cộng	15.844.555.085	2.905.487.905

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/6/2012	01/01/2012
- Tài sản thừa chờ giải quyết	36.924.238	26.721.938
- Kinh phí công đoàn	2.688.845.087	932.651.754
- Bảo hiểm xã hội	899.276.191	107.667.383
- Bảo hiểm y tế	157.538.308	47.658.264
- Bảo hiểm thất nghiệp	45.100.557	13.179.000
- Phải trả về cổ phần hóa	170.000.000	170.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	107.857.543.641	4.389.736.485
+ Công ty Cổ phần Foodinco Miền Trung (tên cũ Công ty Cổ phần Alphanam Miền Trung)	-	1.402.155.708
+ Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Khu đô thị mới Hà Nội	78.756.480.000	-
+ Cổ tức phải trả	2.564.036.375	-
+ Nguyễn Tuấn Hải	16.375.367.565	-
+ Đỗ Thị Minh Anh	430.411.280	-
+ Các đối tượng khác	9.731.248.421	2.987.580.777
Cộng	111.855.228.022	5.687.614.824

18. Vay và nợ dài hạn

	30/6/2012	01/01/2012
Vay dài hạn	57.318.004.557	4.748.254.563
- Vay ngân hàng	57.318.004.557	4.748.254.563
+ Ngân hàng TMCP Quân đội	17.962.004.557	4.748.254.563
+ Ngân hàng ngoại thương Việt Nam	13.256.000.000	-
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	26.100.000.000	-
- Vay đối tượng khác	-	-
Nợ dài hạn	3.074.329.833	2.338.105.311
- Thuê tài chính	3.074.329.833	2.338.105.311
- Nợ dài hạn khác	-	-
Cộng	60.392.334.390	7.086.359.874

19. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	30/6/2012	01/01/2012
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	20.186.446.561	22.243.989.154
- Khoản hoãn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước	(1.776.204.534)	(1.530.000.000)
Số dư cuối kỳ	18.410.242.027	20.713.989.154

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

20. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	438.203.940.000	181.796.010.000	5.884.684.682	4.649.596.131	435.087.978	3.807.986.471	94.826.369.635	729.603.674.897
Tăng vốn trong năm trước	207.640.190.000	-	-	-	-	-	-	207.640.190.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	17.709.882.684	17.709.882.684
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	-	2.106.683.671	(4.213.367.342)	(2.106.683.671)
Tăng do đánh giá công nợ ngoại tệ cuối năm	-	-	3.567.681.573	-	-	-	-	3.567.681.573
Hoàn nhập đánh giá công nợ ngoại tệ cuối năm trước	-	-	(5.884.684.682)	-	-	-	-	(5.884.684.682)
Giảm do trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi tại Công ty con	-	-	-	-	-	(637.004.910)	(637.004.910)	(637.004.910)
Giảm khác	-	(107.640.190.000)	-	-	-	-	-	(107.640.190.000)
Số dư cuối năm trước	645.844.130.000	74.155.820.000	3.567.681.573	4.649.596.131	435.087.978	5.914.670.142	107.685.880.067	842.252.865.890
Số dư đầu năm nay	1.279.000.000.000	-	-	-	-	-	-	1.279.000.000.000
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	1.340.065.097	1.340.065.097
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch đánh giá lại công nợ cuối kỳ	-	-	61.937.749	-	-	-	-	61.937.749
Hoàn nhập đánh giá công nợ ngoại tệ cuối năm trước	-	-	(3.567.681.573)	-	-	-	-	(3.567.681.573)
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	(45.653.077.326)	(45.653.077.326)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1.924.844.130.000	74.155.820.000	61.937.749	4.649.596.131	435.087.978	5.914.670.142	63.372.867.837	2.073.434.109.838

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/6/2012	01/01/2012
- Vốn góp của Nhà nước	-	-
- Vốn góp của các đối tượng khác	1.924.844.130.000	645.844.130.000
Cộng	1.924.844.130.000	645.844.130.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	645.844.130.000	438.203.940.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	1.279.000.000.000	100.000.000.000
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	1.924.844.130.000	538.203.940.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	30/6/2012	01/01/2012
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	192.484.413	64.584.413
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	192.484.413	64.584.413
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>192.484.413</i>	<i>64.584.413</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	192.484.413	64.584.413
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>192.484.413</i>	<i>64.584.413</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	30/6/2012	01/01/2012
- Quỹ đầu tư phát triển	4.649.596.131	4.649.596.131
- Quỹ dự phòng tài chính	435.087.978	435.087.978
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	5.914.670.142	5.914.670.142
Cộng	10.999.354.251	10.999.354.251

g. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(45.653.077.326)	1.835.797.327
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(45.653.077.326)	1.835.797.327
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	68.117.562	44.931.505
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(670)	41

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Đơn vị tính: VND

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
- Doanh thu bán hàng (*)	286.109.842.911	702.265.906.167
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.072.963.811	13.553.765.593
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	63.782.635.767	133.400.146.413
Cộng	355.965.442.489	849.219.818.173

(*) Trong đó:

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
- Doanh thu bán hàng hóa	243.319.097.007
- Doanh thu bán thành phẩm	42.790.745.904
Cộng	286.109.842.911

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
- Chiết khấu thương mại	1.735.819.360	13.603.892.760
- Giảm giá hàng bán	-	-
- Hàng bán bị trả lại	3.774.768.095	4.436.577.065
Cộng	5.510.587.455	18.040.469.825

03. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
- Doanh thu thuần bán hàng(*)	280.599.255.456	684.225.436.342
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	6.072.963.811	13.553.765.593
- Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	63.782.635.767	133.400.146.413
Cộng	350.454.855.034	831.179.348.348

(*) Trong đó:

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	241.668.457.812
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	38.930.797.644
Cộng	280.599.255.456

04. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
- Giá vốn của hàng đã bán (*)	268.133.120.845	644.613.812.102
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.433.865.682	1.655.908.640
- Giá vốn của hợp đồng xây dựng	52.032.698.979	113.221.557.634
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.793.247.976	-
Cộng	326.392.933.482	759.491.278.376

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

(*) Trong đó:

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	238.300.074.041
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	29.833.046.804
Cộng	268.133.120.845

05. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	347.916.391	10.538.577.160
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	477.600.000
- Lãi bán cổ phiếu	3.450.000	
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	553.112.613	8.240.138.890
- Lãi từ chuyển nhượng đầu tư dài hạn	-	1.629.445.517
- Lãi bán hàng trả chậm	267.795.740	1.496.408
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	224.097	1.050.254.941
Cộng	1.172.498.841	21.937.512.916

06. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
- Lãi tiền vay	24.686.596.204	32.526.962.203
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	45.111.569	2.345.323.188
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	931.800.286	12.498.966.980
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	429.635.670	7.184.854.460
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	89.010.800
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	(1.582.844.286)	-
- Trích lập dự phòng các khoản đầu tư	-	37.858.170.706
- Chi phí tài chính khác	-	208.335.190
Cộng	24.510.299.443	92.711.623.527

07. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	910.285.350	2.351.287.418
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	77.812.033	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	988.097.383	2.351.287.418

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	-
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	-
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(2.303.747.127)	-
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	(2.303.747.127)	-

09. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	111.051.549.318
- Chi phí nhân công	15.300.866.686
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.291.304.347
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.448.392.316
- Chi phí khác bằng tiền	7.356.404.776
Cộng	157.448.517.443

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**01. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu tăng do sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam vào Công ty Cổ phần Alphanam 1.279.000.000.000 đồng

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Thông tin về các bên liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
Hội đồng quản trị	
Vay tiền	18.095.000.000
Trả tiền vay	18.095.000.000
Cá nhân có liên quan	
Vay tiền	-
Trả tiền vay	3.003.000.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	30/6/2012
Hội đồng quản trị	53.000.000.000
Ban Tổng Giám đốc	-
Các cá nhân có liên quan	-
Cộng nợ phải thu	53.000.000.000
Hội đồng quản trị	17.916.743.841
Ban Tổng Giám đốc	-
Các cá nhân có liên quan	9.017.311.280
Cộng nợ phải trả	26.934.055.121

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
Tiền lương	690.000.000
Phụ cấp	-
Tiền thưởng	-
Cộng	690.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Sơn Kansai - Alphanam	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư Alphanam	Công ty có cùng Chủ tịch HĐQT (đến ngày 26/6/2012 đã sáp nhập vào Công ty CP Alphanam)

Các nghiệp vụ phát sinh chính trong kỳ giữa Công ty với các Công ty có liên quan như sau:

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
Công ty TNHH Sơn Kansai - Alphanam	
Bán hàng	6.168.325.019
Chiết khấu bán hàng	657.659.492
Mua hàng và sử dụng dịch vụ	4.023.205.174
Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	
Cho mượn tiền	2.345.564.000
Mua 205.000 cổ phiếu của Công ty CP Địa Ốc Alphanam với giá 29.000 VND/CP	5.945.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>
	30/6/2012
<i>Công ty TNHH Sơn Kansai - Alphanam</i>	10.251.568.160
Phải thu khách hàng	10.251.568.160
Phải thu khác	
Cộng nợ phải thu	10.251.568.160
<i>Công ty TNHH Sơn Kansai - Alphanam</i>	9.114.704.419
Phải trả người bán	9.105.127.379
Các khoản phải trả, phải nộp khác	9.577.040
Cộng nợ phải trả	9.114.704.419

02. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất: bán thành phẩm sơn (số lượng đã sản xuất từ những năm trước chưa bán hết);
- Lĩnh vực thương mại: bán hàng hóa các loại và cung cấp dịch vụ;
- Lĩnh vực xây dựng.

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Núi A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định, các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Đơn vị tính: VND

	Sản xuất	Thương mại	Dịch vụ	Xây dựng	Cộng
Kỳ này					
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ và Doanh thu tài chính	35.890.889.819	244.708.365.637	6.072.963.811	63.782.635.767	350.454.855.034
Chi phí trực tiếp	31.506.216.470	237.481.365.808	4.413.547.678	51.819.304.685	325.220.434.641
Các chi phí phân bổ	5.207.762.425	35.507.145.076	881.186.087	9.254.850.343	50.850.943.931
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(823.089.076)	(28.280.145.248)	778.230.046	2.708.480.740	(25.616.523.538)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	455.440.081	3.105.244.766	77.063.320	809.374.438	4.447.122.605
Số dư cuối kỳ					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	584.576.652.908	1.972.912.883.201	47.561.767.806	688.941.364.217	3.293.992.668.132
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			-	-	872.085.290.050
Tổng tài sản	584.576.652.908	1.972.912.883.201	47.561.767.806	688.941.364.217	4.166.077.958.183
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	173.596.826.668	1.183.603.860.142	29.373.672.578	533.306.169.719	1.919.880.529.107
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					3.857.190.690
Tổng nợ phải trả	173.596.826.668	1.183.603.860.142	29.373.672.578	533.306.169.719	1.923.737.719.797

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Mới A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	520.056.437.820	49.967.120.314	520.056.437.820	49.967.120.314
Phải thu khách hàng và phải thu khác (*)	707.275.729.942	393.812.601.392	627.340.094.380	378.847.295.639
Đầu tư ngắn hạn (*)	212.031.815.478	6.472.694.286	212.029.557.478	5.289.850.000
Đầu tư dài hạn khác (*)	10.000.244.536	55.632.891.607	2.500.244.536	47.732.891.607
Cộng	1.449.364.227.776	505.885.307.599	1.361.926.334.214	481.837.157.560
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ (*)	1.097.459.853.775	316.443.167.445	1.097.459.853.775	316.443.167.445
Phải trả cho người bán và phải trả khác (*)	347.645.457.006	89.041.058.179	347.645.457.006	89.041.058.179
Chi phí phải trả (*)	15.844.555.085	2.905.487.905	15.844.555.085	2.905.487.905
Cộng	1.460.949.865.866	408.389.713.529	1.460.949.865.866	408.389.713.529

(*) Giá trị hợp lý của khoản này được trình bày theo giá trị sổ sách do không đủ thông tin xác định giá trị hợp lý.

04. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 đã được soát xét và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

05. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Kế toán trưởng



Bùi Kim Yến

Hưng Yên, ngày 25 tháng 8 năm 2012



Bùi Hoàng Tuấn